TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2025/HSST
Ngày 14 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Vị

Ông Hà Vĩnh

-***Thư ký phiên toà:*** Ông Nghiêm Xuân Huy - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà:*** Ông Dương Mạnh Cường - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 66/2024/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Thị V, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1976 (tên gọi khác: Không); Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Ph, sinh năm 1948 và bà Trần Thị L (đã chết); chồng: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968, con: có 02 con, lớn sinh năm 1997 và nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

Chị Lăng Thị Th1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt);

Chị Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố Ph, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Công ty TNHH MTV Th V (gọi tắt là công ty Th V) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh V cấp phép, đăng ký lần đầu ngày 17/4/2013, mã số 2500499567, có trụ sở tại thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, giám đốc là Nguyễn Văn Th. Ngành nghề chính: Kinh doanh, buôn bán vật liệu xây dựng... Công ty Th V đăng ký kê khai, nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực L theo phương pháp khấu trừ thuế.

Năm 2022, Nguyễn Văn Th bị tai nạn giao thông, nằm viện điều trị, không điều hành được công ty, Đặng Thị V (vợ của Nguyễn Văn Th) đã trực tiếp điều hành, quản lý công ty. Do công ty mua cát, sỏi không có hoá đơn nên từ 13/8/2022 đến 14/12/2022, V đã gặp trực tiếp hỏi mua hoá đơn khống (không có hàng hoá) của Lê Thị Thu H ở tổ dân phố Ph, thị trấn L (H cùng Nguyễn Thị Th2 và Trần Ngọc X sử dụng Công ty Bách Th để bán hoá đơn khống cho các công ty có nhu cầu). Mục đích của V mua hoá đơn khống (không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo) để hợp thức đầu vào, kê khai thuế, nhằm làm giảm số thuế phải nộp. Để hợp thức việc mua hoá đơn khống, H đã soạn thảo Hợp đồng nguyên tắc; Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc kèm theo... được ký kết giữa Công ty Th V và công ty Bách Th nhưng không có các hoạt động giao dịch với nhau, rồi V đem cho Nguyễn Văn Th ký vào mục đại diện công ty. Bằng phương thức như vậy, V đã mua 03 hoá đơn khống của công ty Bách Th (thông qua H), cụ thể:

+ Số 16 ngày 13/8/2022, tổng giá trị hàng hoá là 342.600.000đ.

+ Số 55 ngày 21/11/2022, tổng giá trị hàng hoá là 404.425.000đ.

+ Số 81 ngày 14/12/2022, tổng giá trị hàng hoá là 401.475.000đ.

Tổng số tiền mua hoá đơn khống trị giá là 1.148.500.000đ, số tiền thuế là 114.850.000đ. Ngoài ra V còn phải trả thêm 1,5% số tiền trên giá trị hàng hoá viết trong hoá đơn là 17.227.500đ cho H.

Sau khi mua được hoá đơn thì V đưa cho Lăng Thị Th1 ở thôn S, xã T, huyện L là kế toán của công ty Th V làm thủ tục kê khai thuế tại Chi cục Thuế khu vực L.Tất cả các hoá đơn trên, đã được sử dụng khấu trừ thuế Quý III và IV năm 2022.

Ngày 15/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành thu thập tài liệu liên quan đến công ty Th V, tiến hành triệu tập, ghi lời khai của Đặng Thị V và Nguyễn Văn Th.

Ngày 21/12/2023 và 24/5/2024, Đặng Thị V đã làm thủ tục kê khai bổ sung 03 số hóa đơn GTGT và nộp số tiền 114.850.000đ vào Chi Cục thuế khu vực L.

Tại kết luận giám định ngày 11/7/2024 của Cục thuế tỉnh V kết luận: Hành vi của công ty TNHH Một thành viên Th V (trước ngày kê khai, điều chỉnh giảm bổ sung) mua 03 hoá đơn GTGT ghi khống hàng hoá (không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo) của công ty TNHH Đầu tư XD & TM Bách Th hợp thức hàng hoá, nguyên liệu đầu vào làm giảm số tiền thuế phải nộp 114.089.395đ, tăng thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau 760.605 đồng là hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn theo quy định tại khoản 2, Điều 4, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về thuế, hoá đơn và là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội.

Công ty TNHH Một thành viên Th V trốn thuế GTTG với số tiền là 114.089.395 đồng; tương ứng số tiền thuế GTGT truy thu là 114.089.395 đồng.

Chưa đủ căn cứ để xác định thiệt hại về thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty Th V.

Tại bản cáo trạng số: 68/CT-VKSSL ngày 28 tháng 11 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố Đặng Thị V về tội *"Trốn thuế"* theo điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với bị cáo Đặng Thị V. Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm d khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo V từ 100.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng và án phí theo quy định.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị

cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2].Về hành vi phạm tội của bị cáo: Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Thị V luôn thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo là khách quan, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bản kiểm điểm của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Đặng Thị V tuy không giữ chức vụ Giám đốc nhưng là người điều hành trực tiếp công ty Th V có trụ sở tại thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Từ 13/8/2022 đến 14/12/2022, V đã thực hiện hành vi mua, sử dụng 03 số hóa đơn GTGT bất hợp pháp (không có hàng hoá thực tế) của Công ty Bách Th nhằm mục đích trốn tránh, giảm tiền thuế phải nộp cho Nhà nước. Qua hoạt động hợp thức hóa đơn GTGT đầu vào Đặng Thị V đã trốn thuế GTGT phải nộp là 114.089.395 đồng.

Hành vi nêu trên của Đặng Thị V đã phạm vào tội *"Trốn thuế"* theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự .

Tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 ... thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm: ...

d) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp ...".

[3]. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về tài chính, kinh tế, thuế. Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức, năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng do ý thức xem thường pháp luật nên đã có hành vi trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách nhà nước, làm giảm hiệu lực quản lý của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, do đó cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, có như vậy mới đáp ứng công tác tuyên truyền, phòng ngừa và tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[4].Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5].Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội đã tự

nguyện khắc phục hậu quả. Do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân của bị cáo thấy rằng trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt pháp luật và các quy định tại địa phương. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, có ý thức cải tạo tốt và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ tính răn đe và đáp ứng được mục đích hình phạt. Đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo V đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Bị cáo không có chức vụ gì nên không cấm đảm nhiệm chức, cấm hành nghề theo quy định khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự.

[8].Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đối với các tài liệu như hợp đồng kinh tế, các hoá đơn, biên bản giao nhận hàng... cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc máy tính chị Lăng Thị Th1 sử dụng kê khai thuế, là tài sản của chị Th1, do chị Th1 không phạm tội nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ và xử lý là phù hợp pháp luật.

[9]. Đối với Nguyễn Văn Th, do phải đi điều trị tại bệnh viện, không tham gia điều hành công ty, không được V bàn bạc trước khi phạm tội, không biết công ty Bách Th bán hoá đơn khống, công ty Th V có hoạt động mua bán hàng hoá thực tế nên đã ký các tài liệu liên quan, do đó hành vi không cấu thành tội phạm.

Đối với Lăng Thị Th1 là kế toán thời vụ, không có hợp đồng lao động, không đến làm việc trực tiếp tại công ty Th V, chỉ nhận các hoá đơn từ V đưa và làm thủ tục kê khai thuế theo kỳ hạn, không biết V mua hoá đơn khống của công ty Bách Th và không được V bàn bạc gì nên không đồng phạm về tội trốn thuế. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thị Th2, Lê Thị Thu H và Trần Ngọc X đã bị khởi tố và xét xử về tội Mua bán trái phép hoá đơn ở vụ án khác nên không xem xét trong vụ án này.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đặng Thị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số:

326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

1.Tuyên bố bị cáo Đặng Thị V phạm tội "Trốn thuế".

2.Xử phạt bị cáo Đặng Thị V 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

3.Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Thị V phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Khương Đặng Khánh Hằng

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông lô;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô;
-CQCSĐT Công an huyện Sông Lô;
-UBND xã Xuân Hòa, huyện L;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Sông Lô;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
-Bị cáo; NTGTT;
-Lưu: hồ sơ, văn phòng.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Vĩnh **Lê Hữu Vị** **Khương Đặng Khánh Hằng**

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Khương Đặng Khánh Hằng

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông lô;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô;
-CQCSĐT Công an huyện Sông Lô;
-UBND xã Xuân Hòa, huyện Lập Thạch;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Sông Lô;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
-Bị cáo; NTGTT;
-Lưu: hồ sơ, văn phòng.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khương Đặng Khánh Hằng